

# NHỮNG YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT

(1 tiết)

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được yêu cầu về mặt ngữ âm và chữ viết trong khi sử dụng tiếng Việt.
- Có ý thức vận dụng những hiểu biết trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.

163

– *Nét chức năng thẩm mỹ – nghệ thuật* liên quan tới cách thức tổ chức văn bản, nó được thể hiện khi người tạo lập hướng vào văn bản, dành sự quan tâm đặc biệt cho chính cấu trúc nội tại của văn bản. Thông qua nét chức năng này, văn bản phát huy hiệu quả về thẩm mỹ.

## III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Như tên gọi, bài học này nêu lên cho HS những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt. GV chỉ cần lên lớp theo trình tự các đề mục trong bài ở SGK.

### 2. Gợi ý giải bài tập

**Bài tập 1** đề cập tới sự hoà phối ngữ âm trong đoạn văn của Nguyễn Đình Thi (trích *Nhận đường*). Để làm bài tập này, cần lưu ý đến vai trò của những *âm tiết kết thúc các cụm từ*, đặc biệt là các *âm tiết nằm ở vị trí cuối câu*. Sự hoà phối ngữ âm thường được thể hiện ở sự đáp đối bằng – trắc của các âm tiết đó.

**Bài tập 2** so sánh hai đoạn trích bài ca dao *Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn...* về nhịp, tiết tấu và vần. Hai đoạn này giống nhau về nhịp, tiết tấu ; khác nhau chủ yếu về vần (*hai – Mai, tiên – Diên* và thanh bằng – trắc của hai tiếng cuối).

**Bài tập 3** yêu cầu HS lấy *Bài viết số 7* để tự đánh giá về chính tả và về hoà phối ngữ âm trong một số đoạn văn. Để HS biết đánh giá, GV gợi ý cho các em tham khảo cách làm ở *Bài tập 1*.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Lâu nay, theo thói quen, ta thường dùng hai tiêu chuẩn *đúng* và *hay* để đánh giá một văn bản (nói và viết). Đó là một thói quen đúng đắn. Có thể xem nói và viết đúng chính là làm cho văn bản đáp ứng những yêu cầu về tính chính xác ; nói và viết hay chính là làm cho văn bản đáp ứng những yêu cầu về tính nghệ thuật.

Cũng cần nói thêm rằng tính chính xác và tính nghệ thuật được trình bày trong 2 tiết ở SGK *Ngữ văn 10* là yêu cầu chung của mọi loại văn bản, phân biệt với những đặc điểm của *phong cách ngôn ngữ nghệ thuật*.

2. Văn bản là một thực thể có hai mặt : hình thức và nội dung. Hình thức của văn bản là thuộc tính vật chất của nó tác động vào giác quan của người tiếp nhận ; khi nói, hình thức đó chính là ngữ âm, tác động vào thính giác ; khi viết, hình thức đó hiện ra bằng chữ viết, tác động vào thị giác. Nội dung của văn bản là những ý nghĩa hàm chứa bên trong văn bản, mà những thuộc tính vật chất của mặt hình thức có thể gợi ra trong não bộ người tiếp nhận. Hai mặt ấy gắn bó chặt chẽ với nhau, quy định lẫn nhau. Quan tâm tới văn bản chính là phải quan tâm tới cả hai mặt, hình thức và nội dung của nó. Nhận thức này là rất cần thiết đối với sự rèn luyện về *năng lực tạo lập văn bản* (tức năng lực viết và nói), cũng như *năng lực lĩnh hội văn bản* (tức năng lực đọc và nghe).

3. Như đã biết, chức năng giao tiếp là chức năng quan trọng nhất của ngôn ngữ. Chức năng này bao gồm nhiều nét chức năng cụ thể, trong đó nổi bật lên vai trò của những nét chức năng chính sau đây :

– *Nét chức năng thông báo* liên quan tới đối tượng (sự kiện hiện thực, sự kiện tâm lí, hay tri thức,...) được đề cập, miêu tả, diễn đạt. Thông qua nét chức năng này, văn bản phát huy hiệu quả về nhận thức.

– *Nét chức năng bộc lộ – biểu cảm* liên quan tới tình cảm, thái độ, cảm xúc của người nói, người viết đối với đối tượng được đề cập, miêu tả, diễn đạt và đối với người tiếp nhận. Thông qua nét chức năng này, văn bản phát huy hiệu quả về tình cảm.

– *Nét chức năng tác động* liên quan tới những yêu cầu, đòi hỏi, điều mong muốn mà người tiếp nhận cần phải đáp ứng. Thông qua nét chức năng này, văn bản phát huy hiệu quả về hành động.